

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

(Ban hành tại Quyết định số 1864 /QĐ-ĐHM, ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại Học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình : Ngân hàng
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Tài chính – Ngân hàng Mã số: 52340201
Loại hình đào tạo : Chính quy tập trung

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo (CTĐT) được thiết kế nhằm đào tạo Cử nhân ngành Tài chính- Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng. Học xong chương trình này, sinh viên có kiến thức chuyên môn vững vàng về ngành Tài chính- Ngân hàng, có phẩm chất chính trị tốt, có khả năng ngoại ngữ thành thạo và có kỹ năng phù hợp để làm việc ở các vị trí nhân viên trong các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính và các doanh nghiệp phi tài chính.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

CTĐT được thiết kế hướng đến việc đào tạo; trang bị cho sinh viên các nhóm kiến thức, kỹ năng, thái độ, trình độ ngoại ngữ và tin học như sau:

1.2.1. Kiến thức: Sinh viên sau khi hoàn tất CTĐT có kiến thức và am hiểu vĩ mô về hoạt động của nền kinh tế, đồng thời có kiến thức và am hiểu vi mô về hoạt động của một ngân hàng thương mại. Trên nền tảng kiến thức đó, sinh viên có thể vận dụng vào việc xử lý và hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn được giao và học tập lên các bậc học cao hơn. Cụ thể sinh viên có những kiến thức nền tảng sau đây:

- Kiến thức chung về hoạt động của các thị trường tài chính, bao gồm thị trường vốn, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối, thị trường tài chính phái sinh và kiến thức chung về hoạt động của các tổ chức tài chính, bao gồm ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

- Kiến thức chung về hoạt động của ngân hàng thương mại, bao gồm các hoạt động truyền thống như huy động vốn, cho vay, đầu tư và cung cấp các dịch vụ thanh toán qua ngân hàng, cũng như các hoạt động ngân hàng hiện đại như ngân hàng điện tử, thẻ thanh toán, kinh doanh ngoại hối và cung cấp các dịch vụ quản lý rủi ro tài chính cho khách hàng.

- Kiến thức liên quan đến việc ứng dụng các khái niệm, các công cụ phân tích và các mô hình tài chính trong việc phân tích và ra quyết định liên quan đến đầu tư, huy động vốn và quản lý rủi ro tài chính.

1.2.2. Kỹ năng: Các kỹ năng CTĐT hướng đến bao gồm:

- Kỹ năng tự học, tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề.

- Kỹ năng làm việc, hợp tác theo nhóm và kỹ năng làm việc độc lập để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Kỹ năng thu thập, phân tích dữ liệu để rút ra thông tin cần thiết phục vụ cho việc ra quyết định.

- Kỹ năng lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác.

- Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao.

1.2.3. Thái độ: CTĐT hướng đến việc giáo dục cho sinh viên có thái độ làm việc đúng mực, có phẩm chất tốt, coi trọng đạo đức nghề nghiệp, quan tâm đến lợi ích cộng đồng, trong đó có lợi ích chính đáng của cá nhân.

+ Về trình độ ngoại ngữ: Sinh viên tốt nghiệp có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh để học lên cao học hoặc sử dụng tiếng Anh thành thạo trong công việc hàng ngày của một nhân viên ngân hàng.

+ Về trình độ tin học: Sinh viên tốt nghiệp có đủ trình độ tin học để xử lý các công việc trong văn phòng, sử dụng được các phần mềm thông dụng như Microsoft Office, Eview, SPSS và đủ trình độ tin học để tham gia các khóa huấn luyện các phần mềm chuyên dụng của ngân hàng thương mại (core banking).

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức:

2.1.1. Kiến thức chuyên môn:

Chương trình này trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn về các hoạt động của một ngân hàng thương mại, cụ thể:

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

- Có kiến thức chuyên môn về huy động vốn để có thể thực hiện các giao dịch về huy động vốn từ khách hàng thông qua tài khoản tiền gửi và phát hành chứng từ có giá. Ngoài ra còn biết huy động vốn bằng các hình thức khác thông qua thị trường vốn.

- Có kiến thức chuyên môn về phân tích, biết thẩm định, lập tờ trình và đề xuất lãnh đạo quyết định cho vay hay không cho vay đối với một hồ sơ vay vốn của khách hàng.

- Có kiến thức chuyên môn, đọc hiểu chứng từ và biết xử lý toàn bộ quy trình nghiệp vụ thanh toán một hợp đồng xuất nhập khẩu bằng một trong những phương thức thanh toán quốc tế thông dụng bao gồm chuyển tiền, nhờ thu và tín dụng chứng từ. Ngoài ra còn am hiểu và tư vấn khách hàng sử dụng được các công cụ tài trợ xuất nhập khẩu.

- Có kiến thức chuyên môn về phân tích, dự báo tỷ giá và thực hiện các giao dịch kinh doanh ngoại tệ bao gồm giao dịch giao ngay, giao dịch kỳ hạn, giao dịch giao sau, giao dịch hoán đổi và giao dịch quyền chọn với khách hàng và ngân hàng khác trên thị trường quốc tế và thị trường nội địa. Ngoài ra, còn am hiểu, sử dụng thành thạo và có thể tư vấn cho khách hàng sử dụng các công cụ phái sinh để quản lý rủi ro tỷ giá.

- Có kiến thức về kế toán và hạch toán các nghiệp vụ phát sinh trong hoạt động của ngân hàng thương mại. Ngoài ra, còn đọc, hiểu và có thể sử dụng các báo cáo tài chính để phân tích và đánh giá toàn bộ hoạt động của ngân hàng thương mại.

- Có kiến thức chuyên sâu về hoạt động của thị trường chứng khoán, có thể sử dụng các công cụ phân tích, định giá và quản lý danh mục đầu tư tài chính của ngân hàng cũng như tư vấn đầu tư cho khách hàng.

- Có kiến thức về tiếp thị, bán hàng, hiểu và nắm được qui trình phát triển và tung sản phẩm mới của ngân hàng ra thị trường.

- Có kiến thức và am hiểu sử dụng các công cụ phân tích, đánh giá và quản lý rủi ro tài chính của ngân hàng và cũng như tư vấn cho khách hàng quản lý rủi ro tài chính, bao gồm quản lý rủi ro tỷ giá và quản lý rủi ro lãi suất.

2.1.2. Năng lực nghề nghiệp:

Học xong chương trình này, sinh viên có đủ năng lực nghề nghiệp để làm việc trong các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính phi ngân hàng và kể cả làm việc trong các loại hình doanh nghiệp phi tài chính khác. Cụ thể sinh viên sau khi tốt nghiệp có những năng lực nghề nghiệp sau đây:

- Có năng lực thực hiện những công việc liên quan đến hoạt động của ngân hàng thương mại bao gồm huy động vốn, cho vay, thẩm định dự án, quản lý danh mục đầu tư và năng lực thực hiện các dịch vụ ngân hàng khác như thanh toán, kinh doanh ngoại tệ, phát hành và thanh toán các loại thẻ, tiếp thị và bán các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng.

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

- Có năng lực thực hiện các công việc liên quan đến tài chính của doanh nghiệp bao gồm phân tích và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp, thẩm định và đánh giá dự án đầu tư, thẩm định tài sản, định giá tài sản, định giá doanh nghiệp, phân tích và ra các quyết định về huy động vốn của doanh nghiệp.

- Có năng lực thực hiện những công việc liên quan đến hạch toán kế toán của ngân hàng thương mại và kế toán tài chính của doanh nghiệp.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng:

Ngoài kiến thức như mô tả ở mục trước, hoàn tất CTĐT này sinh viên còn được trang bị đầy đủ các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống và kỹ năng giải quyết vấn đề gặp phải trong công việc hàng ngày.

- Về chuyên môn: Sinh viên có kỹ năng xử lý các nghiệp vụ trong hoạt động của một ngân hàng thương mại bao gồm nghiệp vụ huy động vốn, cho vay, thẩm định, phân tích và đánh giá hồ sơ vay của khách hàng, thanh toán qua ngân hàng, kinh doanh ngoại hối, kinh doanh chứng khoán và hạch toán kế toán các nghiệp vụ phát sinh trong hoạt động của ngân hàng thương mại.

- Về thực hành nghề nghiệp: Sinh viên có thể hoàn thành công việc được giao ở các vị trí nghề nghiệp bao gồm nhân viên giao dịch, nhân viên kế toán, nhân viên tín dụng, nhân viên thẩm định, nhân viên phòng thanh toán quốc tế, nhân viên kinh doanh ngoại hối, nhân viên kinh doanh thẻ và nhân viên tư vấn, môi giới, phân tích và đầu tư chứng khoán.

- Về xử lý tình huống và giải quyết vấn đề: Sinh viên có kỹ năng phân tích, đánh giá, xử lý và giải quyết vấn đề chuyên môn hoặc vấn đề nghiệp vụ phát sinh trong công việc hàng ngày mà một nhân viên thường gặp phải.

2.2.2. Kỹ năng mềm:

- Hoàn tất CTĐT, sinh viên được trang bị các kỹ năng mềm hỗ trợ cho các hoạt động chuyên môn và học tập lên các bậc học cao hơn bao gồm: kỹ năng về giao tiếp, kỹ năng làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập, kỹ năng tự nghiên cứu.

- Năng lực sử dụng ngoại ngữ: Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng có chuẩn đầu ra ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương.

- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin: Người tốt nghiệp có năng lực tương đương trình độ A Tin học và sử dụng thành thạo các phần mềm nghiệp vụ trong phạm vi yêu cầu công việc của một nhân viên ngân hàng.

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

2.3. Thái độ

Bên cạnh việc đào tạo và cung cấp kiến thức cũng như rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, CTĐT còn chú ý đến rèn luyện thái độ và đạo đức nghề nghiệp. Học xong chương trình này, sinh viên được giáo dục phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân đối với cộng đồng, có trách nhiệm, tác phong nghề nghiệp, và thái độ phục vụ đúng mực đối với khách hàng. Ngoài ra còn có thái độ yêu mến công việc, có khả năng cập nhật kiến thức, khả năng tự học và học tập suốt đời.

2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Với kiến thức, năng lực chuyên môn đã được trang bị trong suốt 4 năm học, sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc cho các ngân hàng thương mại ở những vị trí làm việc sau:

- Giao dịch viên ở các phòng giao dịch
- Nhân viên tín dụng, nhân viên thẩm định, nhân viên kinh doanh ở phòng tín dụng, phòng thẩm định hoặc phòng kinh doanh
- Nhân viên thanh toán quốc tế ở phòng thanh toán quốc tế
- Nhân viên kinh doanh ngoại hối ở phòng kinh doanh ngoại tệ
- Nhân viên thanh toán và kiểm soát nội bộ
- Nhân viên quản lý hoạt động đầu tư của ngân hàng
- Nhân viên tiếp thị và phát triển sản phẩm mới của ngân hàng
- Nhân viên quản lý rủi ro tài chính của ngân hàng và tư vấn quản lý rủi ro tài chính cho khách hàng
- Nhân viên tư vấn sản phẩm và dịch vụ chung cho khách hàng.

Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp còn có thể làm việc cho các tổ chức tài chính khác như công ty tài chính, chứng khoán, công ty bảo hiểm, công ty cho thuê tài chính, quỹ đầu tư và kể cả làm việc cho các doanh nghiệp phi tài chính ở các vị trí công việc có liên quan đến tài chính và quan hệ với ngân hàng thương mại.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Mục tiêu của CTĐT không chỉ cung cấp kiến thức và kỹ năng làm việc cho sinh viên sau khi tốt nghiệp mà còn cung cấp nền tảng kiến thức để sinh viên có thể học tập lên các bậc học cao hơn hoặc tự học suốt đời để cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ. Sau khi hoàn tất chương trình này và có thời gian làm việc để tích lũy kinh nghiệm, sinh viên có thể tiếp tục học lên cao học và tiến sĩ ở các trường đại học trong và ngoài nước. Các chương trình cao học có thể theo học sau này bao gồm: cao học tài chính-ngân hàng, cao học quản

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

trị kinh doanh, cao học kinh tế, và các ngành cao học khác có liên quan đến kinh tế tài chính.

2.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Khoa tham khảo

CTĐT được thiết kế và xây dựng dựa trên cơ sở tham khảo các CTĐT của các trường đại học ở ba quốc gia tiên tiến là Mỹ, Anh và Úc, trong đó có chú ý đến hoàn cảnh và điều kiện đặc thù của Việt Nam nói chung và của trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh nói riêng (chi tiết trình bày ở phần đối chiếu chương trình đào tạo).

3. Thời gian đào tạo: 4 năm

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 140 tín chỉ (Không bao gồm Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

5. Đối tượng tuyển sinh

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại điều 5 Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 3 năm 2012 và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2012/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2012, Thông tư số 03/2013/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 02 năm 2013, Thông tư số 21/2013/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 6 năm 2013, Thông tư số 24/2013/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 7 năm 2013, Thông tư số 28/2013/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2013 và Thông tư 06/2014/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

.1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08 tháng 8 năm 2013, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Quyết định số 789/QĐ-ĐHM ngày 06 tháng 08 năm 2014 của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh.

.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định tại điều 27 Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều 25 Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

Quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08 tháng 8 năm 2013, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Quyết định số 789/QĐ-ĐHM ngày 06 tháng 08 năm 2014 của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nào không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho CTĐT mỗi khóa;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

7. Thang điểm

Chương trình áp dụng thang điểm 10. .

8. Nội dung chương trình

8.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 58 tín chỉ

8.1.8 Lý luận chính trị: 10 tín chỉ

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin – Phần 1	POLI1201	2	2	0
2.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin – Phần 2	POLI2302	3	3	0
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	2	0
4.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI2301	3	3	0
Tổng cộng			10	10	0

8.1.9 Khoa học xã hội: 3 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Chuyên đề kỹ năng	GLAW4102	1	0	1
	<i>Chọn 1 trong 2 môn học (2 tín chỉ)</i>				
2.	Pháp luật đại cương	GLAW1201	2	2	0
3.	Tâm lý học đại cương	SOCI1201	2	2	0
Tổng cộng			3	2	1

8.1.10 Nhân văn - Nghệ thuật: 4 tín chỉ

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM1201	2	2	0
2.	Kỹ năng học tập	EDUC1201	2	2	0
Tổng cộng			4	4	0

8.1.11 Ngoại ngữ: 32 tín chỉ

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4	4	0
2.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4	4	0
3.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0407	4	4	0
4.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0408	4	4	0
5.	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG0409	4	4	0
6.	Tiếng Anh nâng cao 6	GENG0410	4	4	0
7.	Tiếng Anh nâng cao 7	GENG0411	4	4	0
8.	Tiếng Anh nâng cao 8	GENG0412	4	4	0
Tổng cộng			32	32	0

8.1.12 Toán - Tin học: 9 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Toán cao cấp	MATH1301	3	3	0
2.	Lý thuyết xác suất và thống kê	MATH1304	3	3	0
3.	Tin học đại cương	COMP1401	3	3	0
Tổng cộng			9	9	0

8.1.13 Giáo dục Thể chất: 5 tín chỉ

8.1.14 Giáo dục Quốc phòng- An ninh: 8 tín chỉ

8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 82 tín chỉ

8.2.5 Kiến thức cơ sở ngành: 15 tín chỉ

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Kinh tế vi mô I (*)	ECON1301	3	3	0
2.	Kinh tế vĩ mô I	ECON1302	3	3	0
3.	Marketing căn bản (*)	BADM2301	3	3	0

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
4.	Thông kê ứng dụng trong kinh doanh	BADM2302	3	3	0
5.	Quản trị học	BADM1301	3	3	0
Tổng cộng			15	15	0

8.2.6 Kiến thức ngành: 24 tín chỉ

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	ACCO2301	3	3	0
2.	Tiền tệ và Ngân hàng (Money and Banking)	FINA1301	3	3	0
3.	Thị trường tài chính (Financial markets)	FINA3320	3	3	0
4.	Tài chính doanh nghiệp 1 (Corporate Finance 1)	FINA3319	3	3	0
5.	Tài chính quốc tế (International Finance) (*)	FINA3301	3	3	0
6.	Thị trường tài chính phái sinh (Derivatives Markets)	FINA3317	3	3	0
7.	Kế toán tài chính (Financial accounting)	ACCO2302	3	3	0
8.	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (Commercial Banking)	FINA3321	3	3	0
Tổng cộng			24	24	0

8.2.6.1 Kiến thức chuyên ngành: 33 tín chỉ

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
<i>Bắt buộc</i>					
1.	Tài chính doanh nghiệp 2 (Corporate Finance 2) (*)	FINA3322	3	3	0
2.	Phân tích báo cáo tài chính (Financial statement analysis)	FINA3312	3	3	0
3.	Thẩm định tín dụng (Credit Appraisal)	FINA3304	3	3	0
4.	Kế toán ngân hàng (Bank accounting)	ACCO3306	3	3	0
5.	Phân tích và đầu tư tài chính (Financial investment and Analysis)	FINA3315	3	3	0
6.	Thanh toán quốc tế (International Payment) (*)	FINA3302	3	3	0
7.	Kinh doanh ngoại hối (Foreign exchange trading) (*)	FINA3308	3	3	0
Tổng cộng			21	21	0
<i>Tự chọn: Chọn 4 trong các môn liệt kê dưới đây</i>					
1.	Marketing ngân hàng	FINA3305	3	3	0
2.	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh		3	3	0

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
	(Business research methods)				
3.	Quản trị rủi ro tài chính (Financial Risk Management)	FINA3314	3	3	0
4.	Quản trị ngân hàng thương mại (Commercial Bank Management)	FINA3307	3	3	0
5.	Thương mại điện tử (E-commerce) (*)	BADM3306	3	3	0
6.	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (Project Appraisal)	BADM3321	3	3	0
7.	Kiểm toán I (Auditing) (*)	ACCO3302	3	3	0
8.	Kê toán quản trị (Management accounting) (*)	ACCO4302	3	3	0
9.	Thuế và hoạt động kinh doanh (Tax and business operations)	FINA3318	3	3	0
10.	Mua bán và sáp nhập công ty (Merger and acquisition)	ECON3309	3	3	0
11.	Quản lý danh mục đầu tư (Portfolio management)	FINA3316	3	3	0
12.	Mô phỏng hoạt động ngân hàng (Commercial Banking Simulation)	FINA3325	3	3	0
Tổng cộng			12	12	0

Ghi chú: (*) Các môn học dự kiến tổ chức học bằng tiếng Anh. Tổng số tín chỉ theo quy định của đào tạo chất lượng cao.

8.2.7 Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận: 10 tín chỉ

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
	<i>Bắt buộc</i>				
1.	Thực tập tốt nghiệp (Internship)	FINA4499	4	0	4
	<i>Tự chọn: Chọn khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 môn thay thế</i>				
2.	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)	FINA4699	6	0	6
	<i>Hai môn thay thế</i>		6	6	0
2.	Quản trị ngân hàng thương mại (Commercial Bank Management)	FINA3307	3	3	0
	Quản trị rủi ro tài chính (Financial Risk Management)	FINA3314	3	3	0
Tổng cộng			10	6	4

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

9. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

HỌC KỲ 1

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG 0405	4	4	0
2.	Toán cao cấp	MATH1301	3	3	0
3.	Tin học đại cương	COMP1401	3	3	0
4.	Kỹ năng học tập	EDUC1201	2	2	0
5.	Giáo dục thể chất 1	PEDU1201	2	0	2
Cộng			14	12	2

HỌC KỲ 2

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG 0406	4	4	0
2.	Lý thuyết xác suất và thống kê	MATH1304	3	3	0
3.	Môn chọn KH-XH		2	2	0
4.	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM1201	2	2	0
5.	Giáo dục thể chất 2 (bóng đá)	PEDU1303	3	0	3
	Giáo dục thể chất 2 (bơi)	PEDU1304	3	0	3
	Giáo dục thể chất 2 (bóng chày)	PEDU1302	3	0	3
6.	Giáo dục quốc phòng	DEDU1801			
Cộng			12	9	3

HỌC KỲ 3

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG 0407	4	4	0
2.	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	BADM2302	3	3	0
3.	Kinh tế vi mô I	ECON1301	3	3	0
4.	Những nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lênin P. I	POLI1201	2	2	0
Cộng			12	12	0

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

HỌC KỲ 4

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG 0408	4	4	0
2.	Kinh tế vĩ mô 1	ECON1302	3	3	0
3.	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3	3	0
4.	Tiền tệ và Ngân hàng	FINA1301	3	3	0
Cộng			13	13	0

HỌC KỲ 5

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG0409	4	4	0
2.	Quản trị học	BADM1301	3	3	0
3.	Thị trường tài chính	FINA3320	3	3	0
4.	Những nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lênin P.2	POLI2302	3	3	0
Cộng			13	13	0

HỌC KỲ 6

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 6	GENG0410	4	4	0
2.	Kế toán tài chính	ACCO2302	3	3	0
3.	Tài chính doanh nghiệp 1	FINA3319	3	3	0
4.	Marketing căn bản	BADM2301	3	3	0
Cộng			13	13	0

HỌC KỲ 7

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 7	GENG0411	4	4	0
2.	Tài chính quốc tế	FINA3301	3	3	0
3.	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại R(16)	FINA3321	3	3	0
4.	Chuyên đề kỹ năng	GLAW4102	1	0	1
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh R(16)	POLI2201	2	2	0

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
	Cộng		13	12	1

HỌC KỲ 8

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			
			TC	LT	TH	
1.	Tiếng Anh nâng cao 8	GENG0412	4	4	0	
2.	Thanh toán quốc tế	FINA3302	3	3	0	
3.	Thị trường tài chính phái sinh	FINA3317	3	3	0	
4.	Chọn 1 trong 2 môn sau:		3	3	0	
	4.1	Marketing ngân hàng	FINA3305	3	3	0
	4.2	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh <i>R (AB)</i>		3	3	0
	Cộng		15	15	0	

HỌC KỲ 9

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			
			TC	LT	TH	
1.	Kinh doanh ngoại hối	FINA3308	3	3	0	
2.	Tài chính doanh nghiệp 2	FINA3322	3	3	0	
3.	Thẩm định tín dụng	FINA3304	3	3	0	
4.	Chọn 1 trong 2 môn sau:		3	3	0	
	4.1	Quản lý danh mục đầu tư	FINA3316	3	3	0
	4.2	Mô phỏng hoạt động ngân hàng ✓	FINA3325	3	3	0
	4.3	Thương mại điện tử	BADM3306	3	3	0
5.	Đường lối CM của Đảng CSVN	POLI2301	3	3	0	
	Cộng		15	15	0	

HỌC KỲ 10

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Kế toán ngân hàng	ACCO3306	3	3	0
2.	Phân tích báo cáo tài chính	FINA3312	3	3	0
3.	Phân tích và đầu tư tài chính	FINA3315	3	3	0
4.	Chọn 1 trong 2 môn sau:		3	3	0

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

STT	Tên môn học		Mã môn học	Số tín chỉ		
				TC	LT	TH
4.	4.1	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	BADM3321	3	3	0
	4.2	Kiểm toán 1	ACCO3302	3	3	0
5.	Chọn 1 trong 3 môn sau:			3	3	0
	5.1	Kế toán quản trị	ACCO4302	3	3	0
	5.2	Thuế và hoạt động kinh doanh	FINA3318	3	3	0
	5.3	Mua bán và sáp nhập công ty	ECON3309	3	3	0
Cộng				15	15	0

HỌC KỲ 11

STT	Tên môn học		Mã môn học	Số tín chỉ			
				TC	LT	TH	
1.	Thực tập tốt nghiệp		FINA4499	4	0	4	
2.	Chọn 1 trong 2 hình thức sau:			6			
	2.1	Khóa luận tốt nghiệp	FINA4699	6	0	6	
	2.2	Học 2 môn thay thế:			6	6	0
		2.2.1	Quản trị ngân hàng thương mại	FINA3307	3	3	0
2.2.2		Quản lý rủi ro tài chính	FINA3314	3	3	0	
Cộng				10			

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Toàn bộ CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng được thiết kế và xây dựng trên đây gồm có 140 tín chỉ, chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng. Các môn học trong toàn bộ chương trình được sắp xếp theo trình tự những loại kiến thức do mục tiêu đào tạo yêu cầu. Khi thực hiện, các môn học được bố trí giảng dạy theo kế hoạch giảng dạy trong vòng 11 học kỳ. Các môn học của từng học kỳ được sắp xếp theo trình tự nghiêm ngặt trong đó môn học của học kỳ trước làm nền tảng kiến thức cho các môn học của các học kỳ sau cho đến khi hoàn tất toàn bộ chương trình.

Căn cứ kế hoạch giảng dạy của từng học kỳ và Quy chế tổ chức, quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sinh viên đăng ký môn học theo từng học kỳ (Quy trình đăng ký môn học) dưới sự hướng dẫn của Cố vấn học tập. Các môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và các môn học chung toàn trường được tổ chức học theo kế hoạch chung của Phòng Quản lý Đào tạo.

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

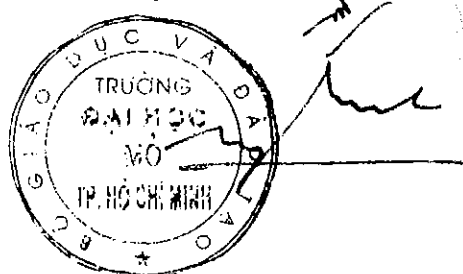
Việc giảng dạy từng môn học trong CTĐT được giảng viên thực hiện theo Đề cương môn học do Tổ chuyên môn thiết kế và xây dựng, được Trường Khoa xem xét đề xuất và Ban Giám hiệu thông qua. Các đề cương môn học được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.

Giảng viên tham gia giảng dạy được tuyển chọn và sàng lọc theo tiêu chuẩn được quy định tại Điều 6 Quy định đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh.

11. Đề cương chi tiết môn học

Toàn bộ đề cương chi tiết các môn học trong chương trình đào tạo được đính kèm.

HIỆU TRƯỞNG



The seal is circular with the text "TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP. HỒ CHÍ MINH" in the center and "ĐẠI HỌC MỞ TP. HỒ CHÍ MINH" around the perimeter. A handwritten signature is written over the seal.

Nguyễn Văn Phúc

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC